TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC G THÀNH PHỐ H	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1385/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 28 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC G- THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1097/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Lê Văn B, sinh năm: 1977

Địa chỉ thường trú: Số 182/31 L, phường A, Thành phố H

2/ Bà Bùi Thị Thanh H, sinh năm: 1979

Địa chỉ thường trú: Số 182/31 L, phường A, Thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số I/2000 do Uỷ ban nhân dân phường 7, quận G, Thành phố H cấp ngày 16/11/2000. Nay ông B và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H xác nhận có với nhau 02 (hai) con chung là Lê Hoàng N sinh năm 2001 và Lê Hoàng Q sinh năm 2007. Con chung của ông B và bà H đều đã đủ tuổi trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H không có nợ chung.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí dân sự đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H phải nộp.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số I/2000 do Uỷ ban nhân dân phường 7, quận G, Thành phố H cấp ngày 16/11/2000 không còn hiệu lực).

1.2. Về con chung: Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H xác nhận có với nhau 02 (hai) con chung là Lê Hoàng N sinh năm 2001 và Lê Hoàng Q sinh năm 2007. Con chung của ông B và bà H đều đã đủ tuổi trưởng thành.

1.3. Về tài sản chung: Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí dân sự đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H phải nộp. Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0037617 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H nên được cấn trừ. Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Thanh H đã nộp đủ lệ phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. H;
- VKSND Khu vực G – Thành phố H;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực G – Thành phố H;
- UBND phường 7, quận G (nay là phường H), Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị L1